

CHƯƠNG MỘT

Chuẩn bị

Một ngày vào cuối tháng Ba năm 1975, má tôi gọi phôn cho Cha Đào và xin phép người cho tôi được nghỉ học ở An Phong Học Viện, một tu viện ở Thủ Đức, là một thị trấn nhỏ cách Sài Gòn độ mười cây số. Ở đó, tôi đang đeo đuổi việc học để trở thành một linh mục Công Giáo. Vị linh mục già, có họ hàng với tôi và đang trông coi nhà đệ tử, gọi tôi lên văn phòng và báo tin cho tôi biết mà không có một lời giải thích:

“Con về nhà ngay. Má con cần gặp con”.

Bối rối và hoang mang, tôi bỏ các bạn tu ở lại đằng sau và đón xe đò để đi ngay. Trên đường về, tôi hơi lo vì má tôi có bao giờ làm chuyện kỳ quặc này? Tôi học hành đàng hoàng và ăn ở hòa thuận với tất cả bạn bè. Các cha vẫn phàn nàn rằng tôi hơi khô khan, nhưng má tôi đã biết điều đó. Hơn nữa, năm nào Ba Má tôi cũng trả học phí nội trú một lần cho nguyên năm học của tôi. Cũng vì lẽ đó, các cha khó mà gọi tôi về giữa năm, e phải hoàn trả món tiền học phí quá lớn chẳng?

Niên khóa 1974- 1975 là một niên học đầy vất vả cho các cha quản nhiệm và các giáo sư ở trường An Phong. Khoản đóng góp của những mạnh thường quân và từ phía Giáo hội Công Giáo Việt Nam đã nhanh chóng khô cạn, bởi tất cả cơ sở ở Việt Nam thời đó đang phải đối phó với cuộc tiến công của quân Cộng Sản Bắc Việt. Các cha cũng lao đao khi vừa bắt chúng tôi chú tâm vào việc tu đức, vừa phải kín đáo không đề cập gì về những diễn tiến của thời cuộc. Những chuyện biểu tình của dân chúng trở nên những sinh hoạt thường xuyên ở Sài Gòn. Tháng nào cũng có những cuộc biểu tình của sinh viên và những cuộc tự thiêu của các tăng nhân Phật giáo.

Trong một chuyến về thăm nhà ở Sài Gòn, tôi bị kẹt ở một ngã tư đường, nơi xảy ra một cuộc ùn ùn lớn. Mọi người đổ xô xuống đường chạy rầm rập, la oai oai và vẫy tay kêu gọi những người khác nhập bọn. Tất cả trông nhốn nháo và hơi hãi giữa cơn hỗn loạn. Đàn bà cũng như đàn ông bỏ hết việc đang làm và hối hả tìm một chỗ để trông cho rõ.

“Về kêu bà con lên, chớ không hết chỗ bây giờ”, một người gần đó gào lên.

Thắc mắc, tôi nhập bọn với họ và hỏi một người đàn ông đứng bên cạnh, *“Có chuyện gì vậy, chú?”*.

Ông ta khựng người lại, ngó tôi trần trối, ý như muốn nói tôi làm bộ không biết chuyện gì đang xảy ra. Ông ta xô mọi người rẽ ra để đi khuất mà không trả lời tôi một tiếng.

Một chiếc xe tải chở đầy tầng nhân mặc áo cà sa vàng bỗng đổ xích ngay giữa ngã tư. Khoảng ba chục tầng nhân nhảy vọt ra từng người một và đứng xếp thành một vòng tròn lớn chắn ngang bốn ngã đường

Mọi người bỗng bàn tán huyên náo như biết trước một việc nghiêm trọng sắp xảy đến. Những người đang ngồi trên xe hơi, xe vận tải, xe vespa, xe đạp, lẫn những người đi bộ bỗng ngừng đi chuyển. Những ông già, bà cả, bạn hàng và con nít đứng đầy sau các tầng nhân, nhưng tôi không thấy bóng một thầy cảnh sát nào gần đó. Tôi leo lên đứng trên một quầy bán báo bằng sắt và vịn tay vào cột đèn ngay góc ngã tư để nhìn cho rõ.

Chiếc xe tải khi này vừa lăn bánh đi khuất, tôi thấy một vị sư già mặc cà sa vàng của nhà Phật đang ngồi nghiêm trang giữa vòng tròn. Hai bên vị sư già, mỗi bên có một chú tiểu cũng ăn mặc tương tự đang ngồi nghiêm trang ngay trên mặt đường hun nắng. Vị sư già bắt đầu niệm Phật, các tầng nhân còn lại cũng rên giọng tụng theo.

“Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật...”. Họ niệm Phật, tụng kinh và chằng bao lâu sau,

những người già cả trong đám đông cũng ngồi xuống phụ họa với họ.

Hai phút trôi qua, hai chú tiểu ngồi ở giữa vòng đứng dậy và lôi ra những bình xăng nhỏ giấu dưới những bộ cà sa. Đám đông chột huyền não. Vài người khóc thành tiếng trong khi những người khác nghẹn ngào những tiếng nấc sững sờ. Các bà quính quáng che mắt các con họ trong khi có người lôi hẳn con họ đi cho khuất mắt.

Một người đàn ông đứng cạnh yêu cầu tôi bước xuống đất, nhưng tôi nhã nhặn từ chối.

Hai chú tiểu rưới xăng lên vị sư già, lúc ấy đang ung dung tụng kinh. Xăng thấm vào, làm áo cà sa của vị sư đổi sang màu cam sẫm, có lúc thành màu đỏ ở những khoảng dính vào thân thể của ông. Mùi xăng càng nồng nặc bao nhiêu thì những tiếng tụng kinh của đám tăng nhân ngồi xung quanh càng lớn bấy nhiêu.

“*Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật ...*” họ gào lên, và đám đông gào theo họ thành những tiếng thét.

Vị sư già bình thân thò tay vào áo và moi ra một cái bật lửa. Mắt ông ta vẫn nhắm và miệng thì vẫn tụng kinh đều đặn. Vài tăng nhân ngồi gần bắt đầu áp úng nói không thành tiếng. Tiếng ồn ào huyền não từ đám đông càng lúc càng hỗn loạn vì những tiếng khóc la của cả đàn ông lẫn đàn bà đang dự khán lúc ấy. Người thì méu não quệt nước mắt một cách công khai; kẻ thì bụm miệng che giấu nỗi kinh hoàng. Mặt đất như đang run rẩy than khóc cho điều gì đó sắp xảy ra.

Với một tiếng tách êm ái từ chiếc bật lửa, ánh lửa bùng lên thành ngọn tỏa ra quanh vị sư già. Ông ta ngồi giữa quả cầu lửa và cảnh tượng ấy trong khoảnh khắc đã hằn sâu trong ký ức của hàng trăm kẻ bàng hoàng chứng kiến. Nhưng ông ta không

nhúc nhích. Ông cũng không kêu la. Ông ta đã tự thiêu đến chết theo nguyện vọng của mình.

Khói đen bốc mù trời, mùi thịt cháy làm hôi khét cả một khu phố. Đàn ông, đàn bà, rồi trẻ em hết than khóc lại dỗ nhau nín. Nỗi kinh ngạc trên khuôn mặt họ giờ như đã nhường chỗ cho óc trầm tư. Những người già lặng lẽ chấp tay vái thật sâu về phía ngã tư đường, nơi xác vị sư già đang ngồi co quắp.

Họ tụng kinh thầm thì “*Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật ...*”

Có tiếng còi xe cảnh sát và xe cứu hỏa vọng từ xa, nghe rền rĩ như tiễn đưa linh hồn của vị sư già vừa quá cố. Những tầng nhân còn lại hối hả thu dọn cái xác cháy và trịnh trọng gói vào khăn liệm. Chiếc vận tải khi nãy chở họ đến, nay chậm rãi de lại và các tầng nhân đặt xác lên xe một cách cẩn thận. Cuối cùng, như hoạt cảnh đã diễn ra lúc đầu, từng tầng nhân trật tự xếp thành hàng chữ nhật và lần lượt leo lên xe, rồi chiếc xe lăn bánh đi mất dạng.

Không có lấy một diễn từ tôn giáo hoặc chính trị, không cả biểu ngữ hay loa phóng thanh ồn ào, chỉ còn những người đứng ngơ ngác vô tư lự, không lý giải được những sự kiện mà chính mắt họ vừa chứng kiến.

Rốt cuộc xe cảnh sát cũng đến, đám đông tự động giải tán, trả lại vẻ bình thường của ngã tư đường lúc ấy đã đầy những xe cộ qua lại, như chẳng có gì lạ xảy ra.

Tôi nhảy thót xuống đất, mắt còn hoa lên vì những gì tôi vừa thấy. Là một học sinh lớp tám, tôi chưa đủ trí khôn để hiểu vì sao sự kiện vừa rồi lại xảy ra và để làm gì, nhưng vẫn làm tâm trạng tôi thăng thốt. Trí óc non nớt của tôi không hiểu nổi tại sao lúc ấy không một ai đứng ra ngăn cản hành vi tự sát của vị sư già hiền lành.

Ở một đất nước có đến hơn 80 phần trăm dân số không theo

Thiên Chúa Giáo, một tín đồ Công Giáo như tôi đã cảm thấy lạc lõng, lại càng không hiểu được ý nghĩa của sự hy sinh bằng hình thức tự sát. Tự sát là có tội, đó là điều mà tôi được dạy dỗ, nhưng khi thấy lòng kính trọng của mọi người dành cho vị sư già, tôi chỉ biết cảm phục lòng can trường của ông vì cái chí quyết tử cho lý tưởng của mình.

Tôi chợt liên tưởng đến ba tôi và nguyện vọng được dâng hiến đời mình cho xứ sở của ông. Lòng chợt buồn kinh khủng, tôi vội rảo bước đi tới, tay quét vội hàng lệ vừa tuôn trên khoeo mắt.

Năm 1975 là năm đầy khó khăn cho mọi người dân Việt Nam. Quân Cộng Sản Bắc Việt vẫn leo thang cuộc chiến xâm lược miền Nam, và tiếng súng càng ngày càng nghe gần kề hơn đến các thị thành. Mọi người, bất kể già trẻ, ngày càng hoang mang vì tin chiến sự, trong khi hàng đoàn quân xa chờ quân binh và súng trọng pháo cứ tới tấp qua lại ở vùng ngoại thành.

Mỗi ngày có hàng chục chiếc quân xa GMC Mỹ chở đầy những quân nhân rầm rập chạy ra quốc lộ 1 ở những vùng ngoại biên thủ đô. Những xe này lại được các xe tăng hạng nặng M1, T-41 và thiết vận xa đi kèm hộ tống làm rung cả mặt đất khi chúng chạy qua. Không như những lần trước đây, các anh Biệt động quân không còn cười và vẫy tay với mọi người nữa mà ngồi lặng lẽ với những khuôn mặt chiu nặng âu lo.

Bên trong thành phố, không khí thì nặng nề, bứt rứt. Nhiều cửa tiệm và hàng quán đóng im im với cánh cửa sắt khóa chặt đằng sau những tấm biển kê vội bằng tay, chữ đề:

- Đóng cửa, Xin trở lại ngày khác.

Khu chợ búa lại huyên náo hơn bao giờ hết với tiếng người mua hàng ới ới mặc cả để mua về tích trữ những mặt hàng nhu yếu phẩm. Nhà thờ và chùa chiền thì cả ngày lúc nào cũng đầy người. Trẻ em chạy tứ tán vì cha mẹ chúng ngăn không cho chúng đến trường và lúc nào cũng bắt chúng đi kè kè sát bên. Mấy ông già thì ngồi thờ thẩn ở những quán cà phê vỉa hè để

nghe tin chiến sự và bình luận với nhau. Hàng người xếp hàng ở các ngân hàng thì kéo đuôi ra tận ngoài đường. Ở phi trường Quốc Tế Tân Sơn Nhất và Bến Bạch Đằng, hàng ngàn người đứng nối đuôi nhau để chờ được đến phiên mình xuất cảnh.

Ở Trường An Phong nơi tôi theo học, các cha và các giáo sư dặn chúng tôi phải cầu nguyện, hãm mình và hằng cầu xin ơn Chúa phù trợ. Và mỗi ngày trôi qua, dù vẫn bình tâm cầu nguyện cho đất nước và dân tộc, chúng tôi vẫn nhận ra vẻ phiền muộn trên khuôn mặt của các vị giáo sư hiền hòa.

Tôi là một học sinh giỏi suốt niên học, lại còn là trưởng lớp; tôi chuyên cần học tập và đứng hạng nhất trong nhiều bộ môn. Từ lớp Toán và Vạn vật lúc sáng sớm, đến những lớp Việt văn, Sử và Nhạc buổi chiều cho đến giờ đàm thoại Pháp Văn do cha Tiến Lộc, một linh mục đa tài mà tôi rất mến phụ trách, tôi luôn học hành đến nơi đến chốn. Ngay cả cha Tiến Lộc, một linh mục trẻ nhiều tài có khả năng nói nhiều ngôn ngữ, cũng ngạc nhiên một cách thích thú vì sự chuyên cần của tôi đối với môn học do ngài giảng dạy năm ấy.

Chỉ có một môn mà tôi vẫn không khá nổi là môn Giáo Lý; tuy nhiên, môn học này lại không có chấm điểm. Đối với các bạn học của tôi, Giáo Lý là một môn học quan trọng. Các cha vẫn dùng những bài giảng của môn này để tuyển lựa các đệ tử và để lưu họ lại nhà dòng trong niên học kế tiếp. Tôi vốn không ở trong số những người ấy.

Chỉ còn hai tuần nữa là hết niên học, tôi dự biết là tôi sẽ hân hạnh được lãnh nhiều giải học sinh xuất sắc. Ngay từ đầu niên khóa ấy, tôi đã hứa sẽ làm ba má tôi hãnh diện vì tôi; thế nên khi cha Đào gọi tôi lên văn phòng của ngài và bảo tôi xuất viện, tôi biết chắc phải có chuyện gì quan trọng lắm nên má tôi mới lôi tôi về bất ngờ như thế.

Tôi bảo bác tài xế xe đò cho tôi đi xuống Thị Nghè, gần Thảo Cầm Viên quốc gia (Sở Thú), và tôi bắt đầu thả bộ trên những đường phố của Sài Gòn để đi về nhà tôi ở xa tít gần Chợ Lớn. Tôi thấy những người lính, các cảnh sát viên, các công chức,

và thường dân đang thiết lập những chướng ngại vật đúc bằng bê tông khắp nơi trong thành phố. Ở những chỗ chướng ngại vật bê tông không có sẵn, dân chúng tự chế những chướng ngại vật tạm thời bằng ván gỗ và thép gai. Những chướng ngại ấy nhằm mục đích ngăn chặn, không cho quân xa và xe tăng tiến vào thành phố, thế nhưng, cùng lúc ấy, chúng tạo nên vô số phiền toái và làm dân chúng bị kẹt xe tứ tung khắp thành phố.

Trong lúc ấy thì có nhà dùng đinh đóng chặt tất cả những cửa sổ làm bằng gỗ. Có người còn kỹ lưỡng hơn bằng cách dùng thép gai giăng chông lên hàng rào quanh nhà họ. Lần đi bộ giữa Sài Gòn cuối tháng ba năm ấy giữa những tiếng máy xe ồn ào, tôi vẫn nghe mồn một tiếng búa nện chan chát và tiếng xe cần cẩu xây dựng vang lên âm ỉ. Quả là một cung điệu lỗi nhịp của một thành phố đang dồn những nỗ lực còn lại để tự vệ.

Nhưng Sài Gòn vẫn đẹp. Tôi vẫn nhớ từng hàng cây me cao vút với những cánh hoa vàng viền đỏ nở ngập các nẻo đường, tàng của nó che cả những phố phường rợp bóng mát, chạy len lỏi qua những biệt thự và công viên hoa lệ. Trong sân nhà của thường dân, những cây mận cao lêu nghêu đang trổ hoa đầu mùa màu vàng lẫn với màu hồng thắm tỏa ngan ngát đâu đó một hương vị ngọt ngào.

Tôi thả bộ ngang qua Đại Sứ Quán Mỹ, một tòa nhà đồ sộ với những bức tường cao ngất. Hai người lính Thủy Quân Lục Chiến cầm lăm lăm trong tay khẩu tiểu liên M16 đứng gác hai bên vệ cổng chính. Số phận hàng triệu gia đình ở miền nam cũng như miền bắc đều bị định đoạt bằng những quyết định đằng sau những bức tường ấy, hoặc từ một tòa nhà tương tự ở một nơi xa xôi nào đó. Cuối đường là Dinh Độc Lập, nơi cư ngụ của tổng thống miền Nam và gia đình của ông. Đó là một dinh thự nguy nga được kiến trúc rất ít tầng lầu theo kiểu dinh toàn quyền của Pháp với những cửa sổ trang hoàng tỉ mỉ và những bậc tam cấp rộng thênh thang. Đây cũng là một nơi nữa có những quyết định liên quan đến số phận của hàng triệu người Việt Nam. Tôi nhớ đến ba tôi và lý tưởng đời lính của ông và thầm cầu nguyện cho ba tôi, không biết giờ này đang ở

đâu.

Tôi rẽ sang bên trái và dừng lại trước Nhà Thờ Đức Bà (Vương Cung Thánh Đường). Thánh đường mang vẻ thật yên hàn ngay giữa thủ đô Sài Gòn. Người Pháp đã xây nhà thờ này phỏng theo kiểu nhà thờ Notre Dame ở Paris. Ngay trước nhà thờ là một công viên, giữa công viên này là một tượng Đức Mẹ Maria vĩ đại đặt trên một bệ đá cẩm thạch màu đỏ với quả địa cầu nâng trên tay, mắt nhìn lên bầu trời như muốn dâng nó cho Thiên Chúa. Bên trong nhà thờ thì tối tăm, nhưng trang nghiêm và yên tĩnh.

Má tôi có nhiều dịp đã dắt mấy đứa con lớn, kể cả tôi, đi lễ ở đây. Đây là nơi mà giới Công giáo giàu có và quyền lực vốn vẫn đến để phô trương và để được người ta trông thấy. Cứ mỗi ngày lễ chủ nhật, họ ăn mặc những trang phục đại lễ thật bảnh bao, đàn ông thì vận đồ vét và đàn bà thì diện áo dài. Người có máu mặt cũng như những người đang bon chen đều đến dự lễ thật sớm để mọi người có thể thấy họ ngồi ở những hàng ghế đầu.



Nhà thờ Đức Bà

Những buổi lễ thường lê thê và chán ngắt, nhưng ai nấy đều tham dự sốt sắng. Sau lễ, má tôi luôn vẫy tắc xi chờ chúng tôi đến Chợ Bến Thành ở gần đó. Lễ cố nhiên là chúng tôi có thể tản bộ tà tà độ sáu hoặc bảy ngã tư đường là tới chợ, nhưng má tôi muốn ai nấy cũng đều thấy là chúng tôi được ăn diện bánh bao lại được tắc xi đưa đón hẳn hoi.

Tôi đi lần theo con đường quen thuộc dẫn ra Chợ Bến Thành. Chợ này ở ngay trung tâm Sài Gòn, là một kiến trúc to lớn không có thiết bị máy lạnh và bao trùm cả ba dãy phố. Người Pháp xưa đã xây chợ này cho dân chúng tề tựu để mua bán hàng hóa đủ loại. Bao nhiêu năm trường trôi qua, chợ đã có những sạp hàng thường trực mọc lên thành từng hàng với những hàng cá tươi, thịt tươi, bên cạnh những dãy hàng trái cây, rau quả và hoa kiểng.

Hàng đồng trái cây bốc mùi hỗn độn, mùi thơm lẫn mùi hôi thối làm ngộp cả bầu không khí. Đầu mùa xuân, mùi sầu riêng nếu làm người này hấp dẫn thì cũng làm người khác khó chịu. Nhưng nó lại ngon lạ lùng. Kế đến là khu bán các loại bánh nướng và bánh ngọt. Mùi bánh mì và bánh ngọt Pháp thoang thoảng thật cảm dỗ. Cả người bán lẫn người mua trả giá qua lại một cách tinh bơ, tựa như họ đang chơi thể thao toàn đội vậy. Ở góc xa xa là những quầy bán đồ lưu niệm gồm những nghệ phẩm và kỹ phẩm. Rồi đến những sạp bán các hàng đồ chơi thủ công nghệ của Tàu. Ngay cả những gian hàng áo quần, giày dép cũng có đủ. Toàn chợ Bến Thành là một cảnh hỗn loạn trong trật tự, người ra người vào có đến hàng trăm người, đúng là một cái chợ, kiểu Việt Nam.



Chợ Bến Thành

Những ngày Chủ nhật ấy, má tôi dắt chúng tôi đến chợ này ăn bánh cuốn và đi chợ. Bà thường trả giá và bông đùa với các bạn hàng quen biết. Câu mở đầu luôn vẫn là :

-- Sao mắc quá vậy cô ?

Nghe thế, chị bán hàng đơn đáp: “Rẻ mà người đẹp. Cô Sáu mua một, tôi tặng một nhé”.

Chị bán hàng chỉ biết má tôi qua cái tên Cô Sáu, vì má tôi là người thứ sáu trong nhà. Theo phong tục Việt Nam, tên thật của một người thường chỉ được bạn bè hoặc những thân thích trong gia đình dùng để gọi nhau. Má tôi trả lễ ngay “Cô hai lúc nào cũng mua một tính hai, phải không ?”

(Chữ “hai” tiếng Việt có nghĩa là “số hai”). Rồi cả hai cùng phá lên cười, trong khi má tôi móc tiền ra trả cho món hàng vừa ngã giá. Và cứ thế, má tôi vừa đi chợ, vừa nói đùa với các bạn hàng khắp chợ Bến Thành.

Trước cửa chính của chợ Bến Thành là một cái bùng binh vĩ đại, nơi dân chúng chen chúc nhau đi xe đạp, xe gắn máy, xe tắc xi, xe hơi, xe vận tải, đủ thứ và đủ cỡ, tranh giành nhau từng tắc đường một. Bùng binh này là tụ điểm chính, nơi sáu đường lớn của thành phố hội tụ nhau. Các xe trọng tải nhích từng chút một, trong khi các xe gắn máy luồn lách qua lại, ùn ùn đẩy, va cả vào nhau. Có lúc xe cộ bị kẹt cứng khi dân đi bộ chiếm cả lòng đường để băng qua bùng binh. Tôi không dám liều lĩnh như họ nên đành phải đánh bộ một đường đi vòng xa hơn, hòng kiếm một ngã tư đường vắng vắng mà băng qua.

Nhà ba má tôi toạ lạc trên một đường lớn của thành phố, đại lộ Trần Hưng Đạo. Đây là con lộ chính nối liền Sài Gòn với Chợ Lớn. Dọc hai bên đại lộ là vô số các rạp chiếu bóng và rạp hát cải lương, với những biển quảng cáo đủ màu sắc và khách vãng lai thì cứ nuồm nuộm đi về tấp nập.

Tôi luôn thích nhìn xe cộ, tiếng ồn ào và những gánh hàng rong. Tôi không ngờ lần đi bộ đó là dịp cuối cùng để tôi nói lên lời chia tay với thành phố thân yêu này.

Khi tôi về đến nhà, người mẹ tuyệt vời của tôi bảo cho tôi biết lý do tại sao bà phải gọi tôi về: bởi vì Cộng quân đã tràn vào Quảng Trị, nơi ba tôi đóng quân. Má tôi không nghe nói gì về ông trong suốt một tháng trời. Bà bảo giờ thì cả nhà phải lo liệu việc tang chế cho ba tôi.

Quá đau lòng, giọng má tôi thẫn thức, nhưng dáng bà vẫn điềm tĩnh, bình thản, và chịu đựng. Ánh mắt bà xa xăm, như muốn gọi ba tôi. Những giọt lệ âm thầm tuôn trào trên khuôn mặt, nhưng giọng nói bà vẫn cương quyết. Má tôi gượng lắm mới không quy xuống trước mặt con cái, nhưng tôi biết tâm trạng bà đang rất phiền não. Bao năm trường nay, má tôi một tay nuôi đàn con tám đứa, bởi lẽ ba tôi hiếm khi được về nhà vì phải thi hành những sự vụ lệnh của một sĩ quan quân đội. Đối với chúng tôi, bà vừa làm cha lại vừa làm mẹ, và lần này thì bà ắt phải liệu hết việc sinh kế mà không có ba tôi.

Má tôi là một người tinh khôn và giàu có. Bà sinh ra trong một gia đình có sáu người con ở Nha Trang, một thành phố du lịch vùng biển tuyệt đẹp nằm ngay trung phần đất nước. Nha Trang có hàng mấy cây số bãi biển chạy dài trên những triền cát trắng như thủy tinh ngó ra biển Thái Bình Dương xanh biếc. Chỉ vài cây số cách bờ biển là một chuỗi các đảo nhỏ, nơi ngư dân vừa đánh cá, vừa thưởng ngoạn khoảng trời riêng tư trên một dãy những bãi biển nằm rải rác vẫn còn vẻ hoang sơ. Cư dân Nha Trang tuy được hưởng tiện nghi của một thành phố lớn, nhưng vẫn không thiếu lòng hiếu khách của người dân ở tỉnh lẻ. Bên ngoại tôi vốn sinh sống ở đây đã nhiều đời.



Bà Nguyễn Thị Khánh, má tôi, ảnh chụp năm 1954

Ông ngoại tôi là một người Công giáo quyền hành, trọng lễ nghi và khắc kỷ. Bà ngoại mất năm má tôi chỉ mới ba tuổi, cho nên ông tôi một mình muôi nấng má tôi và các cậu dì theo kiểu thượng sách của ông: một đường lối giáo dục cứng rắn và khuôn phép của một gia đình Việt Nam giàu có và lễ giáo.

Những luật như: lúc ăn cơm tại bàn, bọn con nít chúng tôi phải ngồi đợi và không được phép cầm đũa cho đến khi ông cầm đũa lên trước. Không ai được phép nói năng huyên náo tại bàn ăn và tuyệt đối không được chạy quanh trong nhà. Chúng tôi phải cúi đầu mỗi lần gặp hoặc cất tiếng chào ông. Trước khi đi ra khỏi nhà, chúng tôi phải đến gặp ông trước, cúi đầu xuống và xin phép hân hoi. Và mỗi lần đi đâu về, chúng tôi cũng phải làm y như thế. Má tôi vẫn nghe ngóng xem chúng tôi có quên hoặc dám làm sai với những định lệ ấy không. Lạ thay, sau khi dọn nhà về thành phố Sài Gòn xô bồ, chúng tôi cũng bỏ hẳn những qui luật ấy.

Má tôi thường dắt chúng tôi ra thăm ông ngoại tại căn nhà trang nghiêm của ông mỗi khi hè về. Ông rất mừng khi đón chúng tôi, nhưng vẫn giữ một sự cách biệt và vẫn giữ những nề nếp theo lẽ thói riêng của ông. Chẳng bao giờ thấy ông ôm chầm lấy hoặc hôn ai, chỉ tỏ dấu quen biết và gật đầu, bất quá chỉ có một cái vỗ nhẹ vào đầu là hết! Má tôi thương ông ngoại lắm và lúc nào cũng biếu quà cho ông bằng những bộ bát đĩa sành sứ hoặc những loại trà nhập cảng đắt tiền.

Những cuộc thăm viếng của chúng tôi vẫn thường làm hàng xóm khuấy động lên. Mỗi khi chiếc Citroen DS chờ chúng tôi vừa quẹo vào góc rẽ xuống con đường về nhà ông ngoại, bọn con nít ở gần đường chính hay ủa nhau chạy đàng sau xe. Rồi đến chòm xóm kéo đến chào hỏi kèm theo một số người khác đi cùng. Tin Cô Sáu (má tôi) về thăm nhà vừa loan ra là cả một đám người hiếu kỳ kéo đến dòm ngó. Họ đứng đầy sân trước và cả bên kia hàng rào hàng giờ chỉ để nhìn chúng tôi chằm chặp. Người thì chòm tới chào thăm ba má tôi; người khác bắt tay ba tôi và hỏi chuyện thời sự.

Những lần như thế, một mặt ông ngoại tôi bảo chúng tôi đừng để ý đến họ, mặt khác ông niềm nở chào hỏi họ, đầu ngẩng cao hơn một chút. Những chuyến viếng thăm ấy luôn làm ông hãnh diện và là niềm vui của má tôi. Ba tôi cũng năng dắt chúng tôi về thăm ông ngoại vào mỗi dịp hè.

Cũng như má tôi, ba tôi cũng xuất thân từ một gia đình giàu có và quyền thế ở Nha Trang. Ông Nội tôi mất lúc còn trẻ, và ba tôi được bác Ba, bác Bốn nuôi nấng nên người. Bác Ba là một điền chủ giàu có, chủ nhân ông của vô số ruộng đất khắp Trung phần Việt Nam, trong khi Bác Bốn là một linh mục chánh xứ có thế lực. Ba tôi xuất thân từ một gia đình có đủ giai cấp trong xã hội: nông gia có, linh mục có và có luôn cả lính tráng. Ba tôi là một quân nhân chuyên nghiệp. Ông tốt nghiệp thủ khoa của Khoá đào tạo Sĩ quan, Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt và phục vụ trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa của miền Nam đã 25 năm ròng. Quá trình phục vụ của ông bao gồm chức vụ Quận trưởng ở những tỉnh quan trọng khắp miền Nam Việt Nam. Ông cũng từng làm tư lệnh cho những trung đoàn Thủy Quân Lục Chiến và Biệt Động Quân ở tiền phương.



Ba tôi, Trung Úy Lê Công Chính, ảnh chụp năm 1955

Ba má tôi quen nhau theo kiểu thời xưa, với lễ nghi và những sắp đặt trước khi cưới, chỉ dành cho những gia đình môn đăng hộ đối. Ba tôi là một sĩ quan trẻ nhiều cao vọng và má tôi là một thiếu nữ trẻ đẹp đã được dạy dỗ thuần thực về việc quản lý gia đình. Thoạt đầu, ba tôi thấy má tôi trong một buổi lễ

chủ nhật và ráng hết sức để bắt chuyện, nhưng làm sao mà một người con gái đoan trang thuở ấy lại dám đi dây dưa trò chuyện với bọn con trai sau khi tan lễ? Thế nên, ba tôi đã viết thư cho Ông Ngoại tôi ngõ ý xin phép gặp má tôi.

Khi biết má tôi vẫn chưa ai dám ngõ, ba tôi liền hỏi vị linh mục làng họ để giàn xếp lễ hỏi và một năm sau đó thì ba má tôi làm đám cưới. Họ yêu nhau cuồng nhiệt và có với nhau đến tám mặt con: bốn trai và bốn gái. Tôi là đứa thứ tư trong gia đình.



Ba tôi và bốn đứa con đầu ở Long Thành

Anh lớn tôi là Hưng và tôi sanh ở Nha Trang trước khi ba tôi dọn nhà vào Nam. Năm 1962, ông đang là Quận Trưởng quận Long Thành, một quận trù phú ở phía Nam thủ đô Sài Gòn. Em gái tôi là Huyền, về sau trở thành bác sĩ nhãn khoa, đã ra đời ở đây và cũng là đứa đầu tiên trong bốn đứa nữa đã chào đời ở miền Nam.

Một ngày nọ, trên đường trở về Long Thành từ Sài Gòn, ba tôi chợt thấy một chiếc xe hơi bị lật nhào xuống rãnh mương bên vệ đường. Người tài xế bị thương nặng và đang tuyệt vọng chờ

được cứu giúp. Ba tôi và người cận vệ đỡ nạn nhân vào chiếc xe Jeep ông đang chạy và tức tốc đưa ông ta vào bệnh viện ở Long Thành. Về sau ba tôi mới biết nạn nhân là một Pháp kiều, lúc bấy giờ đang là chủ nhân ông của những doanh điền mênh mông trồng cây cao su gần Long Thành.

Khi đã bình phục, ông ta đi tìm ba tôi với mục đích cảm ơn người đã cứu mạng ông. Để biểu lộ lòng biết ơn, ông nhượng cho ba tôi quyền sở hữu vài doanh điền của ông. Nguồn lợi tức tạo ra từ những doanh điền ấy đã nâng cao mức sống gia đình và cho chúng tôi, tạo cho ba má tôi cơ hội khởi nghiệp hiếm có ở miền Nam. Người Pháp kiều sau đó đã hồi hương về Pháp và chúng tôi không còn nghe biết gì đến ông nữa.

Trong lúc ấy, ba tôi vẫn miệt mài phục vụ trong Quân Đội và làm quận trưởng ở những quận trọng yếu khắp lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Má tôi khôn khéo đầu tư vào địa ốc và thương mại. Chẳng bao lâu sau, bà mua vài căn nhà ở Sài Gòn, một trong số đó là căn nhà lầu bốn tầng nằm ngay trên một trong những con đường sầm uất nhất Sài Gòn mà bà đã chọn làm tổ ấm cho chúng tôi. Bà dùng tầng trệt để mở một hiệu mỹ phẩm rất đắt khách và gia đình chúng tôi cư ngụ ở những tầng trên. Thoạt đầu, cửa hiệu này chỉ để bà làm việc tiêu khiển nhằm mục đích phục vụ cho những bạn bè giàu có ở một Sài Gòn đang hồi vươn lên phơi phới. Nhưng rồi cửa tiệm ngày càng phát đạt khi các tài tử chiếu bóng và tầng lớp những nhân vật nổi tiếng năng lui tới hơn để mua sắm. Chẳng bao lâu sau, việc buôn bán đã chiếm hết thì giờ của bà và làm thanh danh bà được nhắc nhở nhiều trong giới thượng lưu ở Sài Gòn.

Những năm đầu thập niên 60, ba tôi bị những công vụ lôi kéo ông đi xa có khi đến hàng mấy tháng trời. Má tôi càng vất vả hơn với sáu đứa con lúc nào cũng háo động. Bà quyết định gửi những đứa lớn vào trường nội trú Công Giáo để được các dì phước trông nom. Hai đứa còn nhỏ là Huyền và Huyền (Ti) chưa đi học thì được bà mướn vú nuôi về chăm sóc ngay trong nhà.

Các bà sơ ở trường tư thục Thánh Linh vừa dữ dằn lại vừa nghiêm khắc. Vô phúc cho tên nào trong lớp bị bắt gặp xì xào trong khi cả lớp yên lặng, chắc chắn hẳn sẽ bị “nhắc nhở” ngay bằng một phát thước kẻ. Ai ngủ gật trong giờ đọc kinh thì bị các sơ nhéo tai. Ban đêm, các sơ lão rảo ngoài hành lang phòng ngủ để rình xem có ai chưa ngủ hoặc không chịu nằm yên một chỗ. Hồi đó tôi chỉ mới năm tuổi, nhưng đã nhiễm một tật rất xấu. Tôi cứ khóc vùi và vung văng mỗi lần các sơ bắt tôi làm bất kỳ chuyện gì. Hình phạt của các sơ chẳng làm tôi sợ tí nào, cho nên các sơ thường chỉ biết bắt tôi ngồi xoay mặt vào vách tường trong lớp học.

Tôi thường thấy tức tối mỗi khi ngó ra cửa sổ lớp học nhìn về phía căn nhà gia đình tôi đang ở chỉ để thấy hai đứa em gái của tôi, dù không nhỏ tuổi hơn tôi bao nhiêu, đang nhớn như vui chơi trên sân thượng, mà tôi thì không được chạy về với chúng. Các sơ thì không cách nào hiểu nổi vì sao lúc nào tôi cũng rầu rĩ và cau có. Cũng may, tôi là con một gia đình giàu có, cho nên các sơ khó đuổi tôi về lắm. Thay vào đó, họ phạt tôi bằng cách cho tôi ở lại lớp mẫu giáo. Điều đó gây ra nhiều sóng gió giữa tôi và má tôi. Bà cho rằng tôi chậm chạp, hoặc bị khủng hoảng bị cả hai thứ.

Chị Lêvi mới là người duy nhất đã tận tình chăm sóc tôi trong suốt quãng thời gian ấy. Cách đây hai năm, nhân dịp lễ Thêm Sức của Andrea, đứa con gái duy nhất của chị Lêvi, tôi viết cho nó lá thư dưới đây để ca tụng chị về những điều chị đã làm cho tôi:

Andrea thương,

Chúa thương con lắm nên Người mới ban cho con đặc ân được làm con của mẹ Lêvi, chị của cậu. Có thể đôi khi con nghĩ ngược lại, nhưng con hãy nghe cậu, con thật có diễm phúc mới được làm con của một người mẹ tuyệt vời. Để cậu cắt nghĩa cho con hiểu.

Xưa, cậu là một đứa bé sanh thứ giữa trong một đại gia đình. Thứ nhớ lại, là đứa con duy nhất trong gia đình, nếu con cảm

thấy bị đè nén vì những quan tâm và yêu sách của người lớn ra sao thì hỏi đó cậu cũng bị y hết như vậy. Vừa mới học lớp mẫu giáo, cậu đã bị gởi vào trường nội trú. Bà Ngoại con hỏi đó bận quá nên chị Lêvi của cậu (mẹ con) là người duy nhất đã thay vào đó để đóng vai trò làm mẹ của cậu.

Mặc dù lớn con, cậu lại là một đứa trẻ hay bị bệnh vặt. Có khi nào con lâm bệnh nặng đến nỗi thấy dường như thiên hạ ai cũng bỏ rơi mình? Cảm giác ấy tăng lên bội phần khi con phải sống cảnh không cha, không mẹ trong nhà nội trú. Chị Vy đã ở kề bên để đỡ đàn cậu mỗi khi cậu đái dầm, hung hăng, cộc cằn, sinh sự, và ngang ngược, nhất là nhớ nhà. Nhiều lúc mẹ con đã bị lôi ra khỏi lớp học để đi giặt những áo quần bị ướt của cậu, để giải thích cho các sơ hiệu về thói hỗn hào của cậu, và để dỗ dành cậu mỗi khi cậu khóc lóc, vung văng. Mà mẹ con thì chỉ mới có mười tuổi!

Rồi cậu được đi tu. Thử hỏi mẹ xem bao nhiêu lần mẹ đã dắt cậu ra bến xe đò đưa tiễn và dúi cho cậu tiền bỏ túi. Thử hỏi mẹ, xem bao nhiêu lần mẹ đã vỗ về, dỗ dành cậu và cố giấu những giọt lệ mỗi khi cậu thối mác vì sao bà ngoại con không bao giờ đến trường để thăm cậu.

Khi đến Mỹ định cư, Chị Vy làm việc ở một nhà hàng Tàu, cho nên đến bây giờ, mỗi khi cậu đi ăn ở nhà hàng, cậu không sao quên được mẹ con đã tần tảo ra sao hầu phụ giúp việc chi tiêu gia đình với ông bà nội. Mẹ con cũng rất chăm học. Cậu vô cùng hãnh diện khi mẹ con được nhận vào Trường Đào Tạo Nha Sĩ, và sau đó đã tốt nghiệp thành Nha sĩ thực thụ.

Thử hỏi xem mẹ con đã xoay sở ra sao để vừa học thành tài lại vừa đi làm cật lực để phụ giúp gia đình.

Đó là quãng đời mẹ con đã nêu gương sáng cho cậu; mẹ con còn là người tin cậy của cậu. Mẹ con luôn khuyến khích cậu tự lập và dạy cậu hãy hiền ngang lãnh nhận những trọng trách. Cậu đã nhập học ở trường Texas A&M trái ý Bà Ngoại, nhưng biết chắc là mình đã theo đuổi đúng sở nguyện của mình. Khi

cậu gặp cô Dung (mợ con) lúc còn đi học, chính mẹ con cũng đã khuyên cậu nên nghe theo tiếng gọi của con tim.

Cậu rất thương mẹ con vì đối với cậu, vai trò mẹ con bao la hơn cả một người chị. Mẹ con cũng là mẹ thân yêu nhất đời của cậu. Cho nên cậu mới bảo con rằng con thật may mắn mới có được một người mẹ như thế.

Andrea, con sắp nhận Bí Tích Thêm Sức rồi đó, hãy tạ ơn Chúa vì những ơn lành Người đã ban cho con. Khi tín thác niềm tin vào Chúa, hãy ôm lấy mẹ con để xác quyết tình thương của con đối với mẹ. Hãy làm điều đó, không những là cho chính bản thân con, nhưng cũng là để cho cậu nữa.

Cậu Vui.

Chị Lêvi là chỗ dựa ấm áp cho trái tim tôi. Từ thuở ấu thời ở Việt Nam, tôi đã ngưỡng mộ chị. Lòng nhân ái và óc vị tha của chị vẫn là mẫu mực cho tôi noi theo. Tính tình chị rất giống ba tôi ở chỗ hiền hòa và lòng bác ái.

Khi má tôi bảo tôi rằng bà không biết tin ba tôi đã hơn tháng trời, bà rất tuyệt vọng. Phần tôi thì tức giận bọn Việt cộng đã làm tôi mất đi người cha, bên cạnh bao nỗi đau thương và thống khổ của những đồng bào miền Nam Việt Nam. Chiến tranh là một sự vô nghĩa đối với tôi, nhưng những đau khổ cho gia đình tôi là có thật. Tôi nhớ ba tôi vô cùng và bật khóc.

Chiến tranh đã đến hồi kết thúc. Việt cộng đang thắng thế trên khắp các trận tuyến cũng như trong tim óc của những bè phái nổi lên giữa quần chúng. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa ngày càng trở nên quá thối nát, đến nỗi dân chúng cũng không tin tưởng chính quyền còn đủ khả năng để lãnh đạo và bảo vệ họ nữa. Cứ như là mỗi tuần đều có sự sãi tự vẫn. Sinh viên của các đại học thì hết biểu tình chỗ này đến tuần hành chỗ khác khắp thành phố. Càng ngày, những cuộc biểu tình này càng lớn hơn và bạo động hơn. Họ ẩu đả với cảnh sát, làm tắt nghẽn xe cộ đang lưu thông và gây gián đoạn những sinh hoạt thương mại. Mặt khác, họ trưng những biểu ngữ đòi hòa bình. Tôi

có linh cảm là chính bọn Việt cộng đã gài người vào để sách động sinh viên đi biểu tình. Ở thôn quê, những cuộc giao tranh giữa quân lực Việt Nam Cộng Hòa và Việt Cộng ngày càng đẫm máu và quyết liệt, với phần thắng nghiêng hẳn về phía cộng quân, làm chúng càng thêm xung độ.

Năm 1973 và 1974, ba tôi tình nguyện ra tiền tuyến làm tư lệnh vài trung đoàn Thủy Quân Lục Chiến và Lực Lượng Đặc Biệt ở Kontum và Pleiku. Sau đó, ông được chuyển về Đà Nẵng (Danang), một thành phố lớn ở mạn Bắc, gần khu phi quân sự (DMZ). Ở đó có một căn cứ quân sự to lớn của Mỹ đang đồn trú nên tôi yên chí là ông sẽ an toàn đóng quân. Nhưng đầu năm 1975, khi chiến sự bắt đầu leo thang, ba tôi lại tình nguyện đi ra sát mặt trận hơn nữa. Ông điều động toàn bộ binh lính ra Quảng Trị, chỉ cách vùng phi quân sự độ mười cây số ngàn.

Cộng quân đã tràn qua khu phi quân sự hồi tháng hai năm 1975 và bắt đầu tiến xuống miền nam. Chẳng mấy chốc, chúng bao vây Quảng Trị, và chỉ trong vài ngày, chúng chiếm luôn Đà Nẵng. Được đà chiến thắng, chúng mạnh dạn băng qua trung phần, thọc sâu xuống phía nam và càng cố đánh nhanh hơn để tiến về Sài Gòn.

Tin ấy làm chấn động đến Sài Gòn, má tôi khóc suốt ngày vì lo cho ba tôi và những bà con ruột thịt còn kẹt lại ở Nha Trang. Bà còn lo sợ cho những cơ sở điền sản của gia đình ở rải rác khắp nước, vì bà không thể làm gì được để bảo toàn tất cả. Ngân hàng nào cũng đóng kín cửa, còn dân chúng thì cứ mãi xếp hàng để đợi rút hoặc chuyển tiền đi nơi khác. Má tôi phải đảm đương đủ thứ. Con cái thì lại còn quá nhỏ. Đứa em gái út là Hà vừa được chín tháng trong khi thằng em trai tên Huy-Hoàng thì chỉ mới có hai tuổi.



Má tôi, năm 1970

Má tôi buộc phải cho mấy người ở ra về và cho các nhân viên cửa tiệm mỹ phẩm nghỉ việc để họ có thể chuẩn bị cho những gì sắp xảy đến. Ngoại trừ má tôi ra, không còn ai khác để phụ việc nấu nướng, đi chợ và trông coi đàn con. Cùng lúc ấy, những gia đình bà con của chúng tôi chạy giặc từ Nha Trang vào đây, hiện cũng đang lánh nạn ở ngay trong nhà chúng tôi. Anh của mẹ tôi là Cậu Năm, với vợ và mười con, thầy đều ở trong nhà. Má tôi quay quắt nhớ ông ngoại tôi, nhưng cũng không còn sức mà ôm ấp cả một nhà quá đông đúc. Hơn nữa, bà cũng không biết phải mưu sinh làm sao, một khi Việt cộng chiếm đóng. Trước kia, bà chưa hề nao núng vì bất kỳ chuyện gì, nhưng bây giờ thì bà khóa kín cửa phòng, ngồi trong ấy và khóc vùi cả hàng giờ.

Một buổi xế chiều, cả nhà ngồi quây quần trong phòng khách gia đình. Bọn con nít chúng tôi uể oải, người lớn thì chỉ biết vô công rồi nghề. Tin chiến sự trên TV cho biết cộng quân và quân lực Việt Nam Cộng Hoà đang giao tranh ác liệt ngay tại Xuân Lộc, chỉ cách Sài Gòn vài chục cây số về phía bắc. Mùa hè oi bức đang hành hạ mọi người. Nhiệt độ trong bóng râm

đã lên đến 38 độ C. Độ ẩm của không khí cứ đứng ngang mức 100 phần trăm. Má tôi đã vặn máy lạnh tối đa, nhưng vì có quá nhiều người trong phòng cho nên không khí vẫn nóng hầm và ai nấy cũng toát mồ hôi nhễ nhại.

Có tiếng chuông bấm trước cửa. Ai cũng ngồi ù lì, không ai muốn ra mở cửa. Chắc lại một người ăn mày nào đó hoặc một người tị nạn miền trung đang ăn xin chứ gì ? Đạo này, ai còn lạ gì những người ăn xin vãng lai như thế. Cũng có thể có một ai khác đến báo thêm một tin không lành nào đó. Chuông cửa lại reo, nghe như khẩn khoản hơn. Tôi bỏ dậy và chạy xuống cầu thang.

Tôi mở toang cửa và kìa, người cha yêu dấu già cỗi của tôi hiện ra ! Tôi nhảy vào lòng ông và ôm ông cứng ngắc. Da ông đen hơn, tóc ông dài hơn và cảm thì mọc râu lởm chớm. Rõ là ông không cạo râu, không tắm rửa gì cả trong mấy ngày, đôi khi là trong mấy tháng trời cũng nên. Ông cũng ghi xiết tôi vào lòng với nụ cười đắc thắng. Ông đã sống sót để trở về.

Tôi nắm tay ông và lôi ông tuốt lên lầu, vừa chạy vừa la : *“Ba về tới rồi ! Ba về tới rồi !”*

Tôi sung sướng đến nỗi vừa hét lên với cả buồng phổi của mình, vừa tuôn nước mắt ràn rụa.

Má tôi đứng đón ở đầu cầu thang với hai mắt mở tròn, tưởng như không tin những gì trước mắt. Bà òa khóc, rồi vỡ tiếng cười và ôm chầm lấy ba tôi, mừng phát điên lên vì chợt thấy lối thoát ra khỏi những bế tắc. Bà tưởng ông đã chết, nhưng ông vẫn còn đây. Quả là một phép lạ. Mọi người trong phòng nhào ra ôm chầm ông và hôn ông tứ tung như mừng đón một người chết vừa được sống lại.



Ba tôi, Trung tá Lê Công Chính, năm 1970

Ba tôi đòi ẵm Huy Hoàng và Hà, và ôm chặt lấy hai đứa. Khoái quá, bọn con nít chúng tôi quần quanh ông. Chúng tôi nhảy nhót, nói năng huyên thuyên. Đứa nào cũng lôi, cũng dành, bắt ông phải chú ý nghe chuyện và ôm lấy mình. Má tôi đứng bên ngoài miệng cười mà khuôn mặt vẫn còn đăm lẹ. Tôi chưa bao giờ thấy má tôi vui đến thế và lòng tôi bỗng rộn lên niềm sung sướng.

Đây là ngày hạnh phúc nhất đời của gia đình tôi, thời còn ở Việt nam.

Cậu Năm và dưỡng Bảy, tức anh ruột và em rể của má tôi, ghé thăm ngay ngày hôm sau. Họ gặp ba tôi một hồi lâu. Tôi thoáng nghe ai đó cao giọng rồi lại trầm thì, vì cả ba đang thương lượng gì đó với nhau gay gắt lắm.



Ảnh trên: Gia đình cậu Năm ở Nha Trang, khoảng đầu năm 1970



Gia đình dì Bảy ở Nha Trang, năm 1975

Ba tôi, một sĩ quan lục quân chuyên nghiệp, muốn trở ra đăng lính lại rồi đi Xuân Lộc để đánh tiếp. Ông rủ dượng Bảy tôi, cũng đang là một sĩ quan tại ngũ, để đi cùng với ông; nhưng cậu Năm tôi, một công chức thâm niên, lại không muốn hai người tùy tiện quyết định. Cậu Năm cũng phải bỏ hết tài sản, bà con lại Nha Trang, kể cả những gì thân thương nhất đời để di tản nguyên gia đình vào Sài Gòn; và giờ thì cậu lại muốn thoát chạy ra khỏi nước. Cậu biết là cuộc chiến đã đến lúc tàn, miền nam đã thua trận. Cậu van ba tôi hãy nghe lời cậu, hãy nghe theo lý trí hơn là tình cảm. Bàn đi bàn lại mấy giờ liền đến cuối cùng thì cậu Năm xông xộc bước ra khỏi phòng. Cậu gọi má tôi và đi Bảy vào để nói chuyện phải quấy với ba tôi cho ra lẽ.

Má tôi ghen ngào và năn ni ba tôi hãy nghe lời cậu Năm. *“Anh nên nghe lời anh Năm. Giờ này mà còn ghi tên đi đánh giặc chi nữa? Tụi Mỹ đã bỏ VN rồi thì mình còn làm gì được?”*

Ba tôi từ tốn cắt nghĩa cho má tôi hiểu rằng tình thế vẫn có nhiều triển vọng. *“Nếu mình giữ được Xuân Lộc thì Sài Gòn sẽ không mất đâu. Anh sẽ trở về sau khi đẩy lui tụi Việt cộng.”*

Má tôi rên rỉ : *“Không có vũ khí và tiếp liệu thì làm sao mà đánh được. Anh nên ở nhà lo kiếm cách chạy đi là tốt nhất.”*

Rồi bà tấm tức khóc trong khi ba tôi ôm lấy bà và lau bớt những giọt nước mắt cho bà. Ông ôn tồn bảo : *“Nếu mất nước thì gia đình mình sẽ tan rã. Tụi Việt Cộng sẽ giết chết anh. Anh Năm, dượng Bảy và có thể cả Hùng nữa. Anh phải hy sinh để chặn lại tụi gian ác này.”*

Má tôi khóc gào lên. *“Anh đi thì anh sẽ chết một mình. Tại sao anh không chịu ở lại. Dù sao đi nữa, nếu có chết, thì mình sẽ chết chung với nhau.”*

Đến phiên ba tôi ghen ngào. *“Anh sẽ không bị sao đâu. Em ở lại lo cho tụi con mình. Nếu anh có bị gì đi nữa thì tụi nhỏ sẽ*

biết rằng ba chúng nó đã hy sinh bảo vệ chúng nó đến giây phút cuối cùng.”

Cả bọn anh em chúng tôi bắt đầu mếu máo. Ai cũng thấy sờ sợ và má tôi thì biết chắc chuyến này ông sẽ một đi không trở lại. Bà ôm ghì ba tôi lại và chúng tôi thì vây quanh cả hai người, tất cả khóc òa lên. Những đứa anh em họ của chúng tôi và cha mẹ chúng đứng cạnh đây cũng rơm rớm nước mắt.

Sau một hồi thỉnh lặng tưởng như không bao giờ dứt, má tôi ngòai phịch xuống ghế. Nước mắt bà ràn rụa chảy trên khuôn mặt, bà chẳng biết còn gì hơn để mà nói. Đã nhiều lần trước đây, bà đã van xin ba tôi đừng ra tiền tuyến, nhưng chẳng bao giờ ông chịu nghe. Lòng ái quốc và tinh thần trách nhiệm của ông còn lớn hơn cả tình thương ông dành cho gia đình. Hết lần này đến lần khác, ông trở về từ mặt trận trên chiếc băng ca, và má tôi đã chăm nom ông trong khi ông nằm hàng tuần ở bệnh viện quân đội, để rồi lại thấy ông tiếp tục xông ra vùng lửa khói.

Trước những con mắt bàng hoàng của mọi người, má tôi chụp lấy khẩu súng lục đang nằm ở trên bàn. Bà lên đạn và đưa nòng súng lên ngang tang .

“Em sẽ tự tử bây giờ cho anh đi một mình.”

Bọn con nít chúng tôi khóc thét lên, *“Má, má đừng làm như vậy.”*

Anh Hùng và chị Lêvi nhào tới, ngăn không cho má tôi thực hiện ý định tự tử.

Ba tôi quỳ xuống cạnh chân bà với giọng lệ tuôn tràn. Ông lặng lẽ ôm lấy má tôi và khẽ nói, *“Em bỏ súng xuống đi. Anh sẽ không đi đâu.”*

Má tôi đã bỏ súng xuống và vói tay ôm lấy ba tôi. Bọn con nít chúng tôi vây quanh hai người và cùng sụt sùi thổn thức.

Đời binh nghiệp của ba tôi đến đây là hết. Trải qua hai mươi lăm năm trường vào sanh ra tử, ông đã chiến đấu cho sự sống còn của đất nước, để đến giờ phút này, ông chỉ còn một trận chót để giành lấy sự sống còn cho chính gia đình mình.